

Bản án số: **186/2020/HNGĐ-ST**
Ngày: 18-9-2020
V/v “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Kim Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Sửu;
2. Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Liêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Hồ Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 96/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Phương T, sinh năm 1988. *Vắng mặt.*
2. *Bị đơn:* Anh Lê Anh D, sinh năm 1986. *Vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2020, bản tự khai, tại các phiên hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn - chị Trần Phương T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh D tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh N cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 43 ngày 14/7/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau 02 con chung. Tuy nhiên, thời gian gần đây anh D không lo làm ăn, ham chơi cờ bạc nợ nần nhiều người. Ban đầu vợ chồng xoay sở bán nhà trả nợ cho anh D

và cũng đề cho anh D thêm cơ hội sửa chữa sai lầm, nhưng anh D vẫn không thay đổi. Từ tháng 01 năm 2020 đến nay chị và anh D đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay chị thấy không thể tiếp tục chung sống với anh D được nữa nên chị xin ly hôn.

Về con chung: Có 02 cháu tên là Lê Anh H, sinh ngày 28/9/2008 và Lê Anh C, sinh ngày 26/7/2011. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn - anh Lê Anh D, trong quá trình giải quyết vụ án anh D không hợp tác, cố tình không đến Tòa án làm việc, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, anh D không có ý kiến về nội dung vụ án và vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa không có lý do là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và nuôi con của chị Trần Phương T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Trần Phương T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn - anh Lê Anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Phương T có quan hệ hôn nhân hợp pháp với anh Lê Anh D, địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh N. Nay, chị T khởi kiện xin ly hôn với anh D và yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh D tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh N cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 43 ngày 14/7/2008 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, chị T cho rằng sau khi kết hôn, chị T và anh D chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh D cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều người, chị T đã cho anh D cơ hội để sửa sai nhưng anh vẫn không thay đổi. Do mâu thuẫn vợ chồng không tự hòa giải được nên từ tháng 01 năm 2020 đến nay chị T và anh D sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Anh D không có ý kiến về nội dung vụ án, không tham gia các phiên hòa giải theo các Thông báo của Tòa án. Tại phiên tòa, anh D tiếp tục vắng mặt không có lý do, trong khi chị T có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn cương quyết xin ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T, anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị T và anh D có 02 con chung tên là Lê Anh H, sinh ngày 28/9/2008 và Lê Anh C, sinh ngày 26/7/2011. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 2 cháu H, C và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh D không có ý kiến về việc ly hôn, xin nuôi con của chị T và không hợp tác, thể hiện sự không quan tâm đến con cái. Hiện tại các cháu H, C đang ở với chị T và đều có nguyện vọng ở với mẹ. Hơn nữa, chị T đang làm việc ổn định tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn may mặc xuất khẩu M với mức lương trung bình hàng tháng là 6.000.000 đồng, đảm bảo điều kiện kinh tế để chị T nuôi hai con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao các cháu H, C cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, mà không ai được cản trở phù hợp với quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Phương T thuộc hộ cận nghèo năm 2020 theo Giấy chứng nhận số 106/GCN-HN.HCN ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh N nên được miễn nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Phương T về việc "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*".

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Phương T và anh Lê Anh D.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Anh H, sinh ngày 28/9/2008 và cháu Lê Anh C, sinh ngày 26/7/2011 cho chị Trần Phương T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Lê Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Các bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Trần Phương T được miễn nộp.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - TAND tỉnh Quảng Nam
 - VKSND huyện Quế Sơn;
 - Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
 - UBND TT. Đ, huyện Q
- (Giấy CNKH số 43 ngày 14/7/2008);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Châu Thị Kim Phượng